

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
Tầng 20, Tòa nhà Sun Wah, số 115 Nguyễn Huệ, P.Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM

ĐT: 028.36221025 Fax: 028.36367100

-----\*\*\*\*\*-----

**BÁO CÁO**  
**TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ**  
**QUÝ 4/2019**

THÁNG 01/2020

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>5.273.198.133.722</b>	<b>2.650.399.508.923</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>274.906.915.862</b>	<b>150.987.469.216</b>
1. Tiền	111		274.906.915.862	150.623.832.159
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	363.637.057
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>124.540.000.000</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	15.d	124.540.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>4.823.416.807.884</b>	<b>2.428.571.117.330</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6.a	1.810.111.829.208	215.277.276.031
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	464.344.868.544	160.713.153.367
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8.a	1.459.292.308.610	1.483.341.183.448
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	1.091.833.196.555	619.288.414.431
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(2.165.395.033)	(50.048.909.947)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>50.334.409.976</b>	<b>69.972.766.356</b>
1. Hàng tồn kho	141	11	50.334.409.976	69.972.766.356
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>868.156.021</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	-	40.500.000
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18.a	-	827.656.021

**CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM**  
 Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM

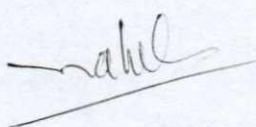
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>7.981.880.058.678</b>	<b>6.839.105.912.132</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>934.725.116.190</b>	<b>1.439.090.674.905</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6.b	-	215.000.000.000
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	8.b	926.280.000.000	617.528.743.353
3. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	8.445.116.190	606.561.931.552
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>801.968.774</b>	<b>1.093.593.770</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	801.968.774	1.093.593.770
- Nguyên giá	222		5.380.773.400	5.380.773.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.578.804.626)	(4.287.179.630)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	-	-
- Nguyên giá	228		1.058.840.204.896	1.058.840.204.896
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.058.840.204.896)	(1.058.840.204.896)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.814.309.826</b>	<b>2.833.501.315</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	2.814.309.826	2.833.501.315
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>16</b>	<b>7.005.040.864.805</b>	<b>5.395.276.927.877</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	16.a	5.944.567.167.167	3.994.367.338.154
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	16.b	519.380.000.000	1.363.022.074.160
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	16.c	541.093.697.638	67.387.515.563
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	16.d	-	(29.500.000.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>38.497.799.083</b>	<b>811.214.265</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	38.497.799.083	811.214.265
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>13.255.078.192.400</b>	<b>9.489.505.421.055</b>

**CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM**  
Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>9.782.524.683.597</b>	<b>6.553.701.119.297</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>5.932.973.638.750</b>	<b>4.598.658.548.582</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	1.455.407.282.243	142.382.475.528
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.613.874.873	1.613.874.873
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18.b	90.101.329.820	1.215.654.740
4. Phải trả người lao động	314		14.206.311.639	303.188.105
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	213.026.096
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	413.606.565.464	157.589.796.808
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20.a	3.937.101.378.487	4.264.979.989.001
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		20.936.896.224	30.360.543.431
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.849.551.044.847</b>	<b>1.955.042.570.715</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20.b	2.455.789.214.567	593.579.002.770
2. Trái phiếu chuyển đổi	339	21	1.393.761.830.280	1.361.463.567.945
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>3.472.553.508.803</b>	<b>2.935.804.301.758</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>3.472.553.508.803</b>	<b>2.935.804.301.758</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.831.681.520.000	2.830.432.730.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.831.681.520.000	2.830.432.730.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		388.030.033.157	385.422.992.877
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		3.486.601.775	5.968.432.055
4. Cổ phiếu quỹ	415		(851.997.873.500)	(851.997.873.500)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		193.013.957.959	193.013.957.959
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		908.339.269.412	372.964.062.367
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		372.964.062.367	335.890.252.780
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		535.375.207.045	37.073.809.587
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	<b>440</b>		<b>13.255.078.192.400</b>	<b>9.489.505.421.055</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng







Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Nguyễn Thị Mai Hương

LÊ QUỐC BÌNH

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

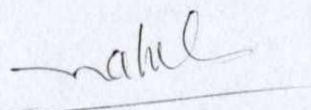
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 10 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 04		Lũy kế từ 01/01 đến 31/12	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-	-	471.943.636
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		-	-	-	471.943.636
4. Giá vốn hàng bán	11		-	-	-	2.643.808.425
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		-	-	-	(2.171.864.789)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	692.740.822.383	149.735.206.112	1.634.891.616.292	509.093.946.440
7. Chi phí tài chính	22	24	452.418.269.099	124.291.176.524	997.852.448.845	440.632.935.935
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		161.216.397.198	115.077.797.393	565.357.857.896	408.744.264.712
8. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	26.387.440.586	(2.349.663.765)	23.749.388.991	24.964.618.885
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		213.935.112.698	27.793.693.353	613.289.778.456	41.324.526.831
11. Thu nhập khác	31		-	(72.084.124)	1.888.000.000	116.914.656
12. Chi phí khác	32		7.700.003	2.687.735.901	7.711.003	3.066.865.526
13. Lợi nhuận khác (40=31 -32)	40		(7.700.003)	(2.759.820.025)	1.880.288.997	(2.949.950.870)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		213.927.412.695	25.033.873.328	615.170.067.453	38.374.575.961
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	54.184.104.880	1.300.766.374	79.794.860.408	1.300.766.374
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50- 51-52)	60		159.743.307.815	23.733.106.954	535.375.207.045	37.073.809.587

**CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM**

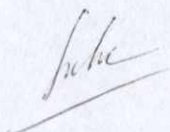
Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM

Người lập biểu



Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Mai Hương

TP.HCM, ngày 22 tháng 01 năm 2020



Tổng Giám đốc

LÊ QUỐC BÌNH

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho niên độ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018
1	2	3	4
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	615.170.067.453	38.374.575.961
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	2	291.624.996	291.625.000
Các khoản dự phòng	3	(47.883.514.914)	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	-	(385.081.830)
Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(1.634.891.616.292)	(508.598.264.610)
Chi phí lãi vay	6	578.216.191.872	412.775.537.440
Các khoản điều chỉnh khác	7	19.191.489	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	(489.078.055.396)	(57.541.608.039)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	115.461.268.614	72.956.940.012
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	-	2.643.808.425
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.537.693.577.880	(110.766.295.265)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(37.646.084.818)	(621.197.545)
Tiền lãi vay đã trả	14	(405.324.351.347)	(324.134.796.422)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	-	-
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		<b>721.106.354.933</b>	<b>(417.463.148.834)</b>
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(10.749.258.950)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.012.743.068.784)	(2.493.002.903.262)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.032.116.412.863	1.881.644.601.980
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.140.073.572.625)	(951.815.095.753)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.790.429.862.534	31.634.497.569
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	311.436.147.980	259.585.486.868
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.018.834.218.032)	(1.282.702.671.548)

**CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM**

Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM

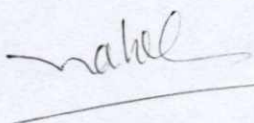
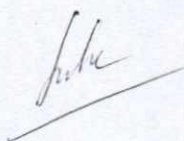
CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018
1	2	3	4
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	30.000.000.000
2. Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(47.788.780.500)
3. Tiền thu từ đi vay	33	7.056.053.434.726	4.222.521.079.096
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(5.634.404.550.734)	(2.596.579.402.971)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.574.247)	(343.093.557)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.421.647.309.745	1.607.809.802.068
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	123.919.446.646	(92.356.018.314)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	150.987.469.216	243.343.487.530
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	274.906.915.862	150.987.469.216

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP.HCM, ngày 31 tháng 01 năm 2020

Đông Giám đốc


Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Nguyễn Thị Mai Hương

LÊ QUỐC BÌNH



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: đồng

### I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000747 ngày 24 tháng 12 năm 2001 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và qua các lần thay đổi. Vốn điều lệ của Công ty là 2.831.681.520.000 đồng, được chia thành 283.168.152 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 126.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là :

- Ngành nghề kinh doanh của Công ty là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); kinh doanh bất động sản; thực hiện thu phí giao thông đường bộ; sản xuất, mua bán các thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực thu phí giao thông và xây dựng; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình đường ống thoát nước.

- Hoạt động chính của Công ty là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); thực hiện thu phí giao thông đường bộ; đầu tư và quản lý các công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

### II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Những nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

#### Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### **III. ÁP DỤNG CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Báo cáo tài chính được lập theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

### **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Công cụ tài chính**

**Tài sản tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, dự phòng phải trả, các khoản vay và trái phiếu phát hành.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo cam kết hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 do Bộ Tài chính ban hành.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm giá trị của các quyền thu phí giao thông và phần mềm máy tính.

Quyền thu phí giao thông là tài sản cố định vô hình có được từ các hợp đồng B.O.T được ký giữa Công ty và Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh do Sở tài chính làm đại diện. Nguyên giá của tài sản được xác định theo giá trị quyết toán giữa Công ty và Sở Tài chính trên cơ sở là các chi phí mà Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư xây dựng các dự án theo hợp đồng đã ký.

Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo tỷ trọng doanh thu, theo đó giá trị trích khấu hao hàng năm được tính bằng nguyên giá nhân với tỷ lệ giữa doanh thu thu được hàng năm và tổng doanh thu ước tính.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản đầu tư tài chính và chứng khoán**

*Các khoản đầu tư vào công ty con*

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó .

**CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM**

Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có các công ty con như sau :

Tên Công ty	Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1.Công ty CP Đầu tư và Xây dựng cầu đường Bình Triệu (Công ty Bình Triệu)	98,85%	98,85%
2.Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ (Công ty Cao Ốc Văn Phòng Điện Biên Phủ)	100,00%	100,00%
3.Công ty CP Đầu tư Cầu đường CII (Công ty CII B&R)	54,46%	54,46%
4.Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII (Công ty CII E&C)	66,99%	66,99%
5.Công ty CP Hạ tầng Nước Sài Gòn (Công ty SII)	50,61%	50,61%
6.Công ty CP Đầu tư hạ tầng kỹ thuật Vinaphil (Công ty VPII)	99,99%	99,99%
7.Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng	100,00%	100,00%
8.Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia (Công ty Địa Ốc Lữ Gia)	100,00%	100,00%
9.Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (Công ty Bắc Thủ Thiêm)	100,00%	100,00%
10. Công ty TNHH Đô Thị Xanh Sài Gòn Long Khánh (Công ty Sài Gòn Long Khánh)	95,00%	95,00%
11. Công ty Cổ phần Đầu tư năm bảy bảy (Công ty NBB)	68,21%	68,21%

*Các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có các công ty liên kết như sau :

Tên Công ty	Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1.Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng xa lộ Hà Nội (Công ty HNHC)	49,00%	49,00%
2. Công ty Cổ phần Hòa Phú	-	20,01%

#### **Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### **Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm chi phí phát hành, bảo lãnh phát hành trái phiếu, chi phí bảo dưỡng đường xá, di dời trạm, chi phí in vé cầu đường, chi phí công cụ, dụng cụ ... Các chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng, trong đó chi phí phát hành và bảo lãnh phát hành trái phiếu được phân bổ theo thời hạn của trái phiếu, các chi phí khác phân bổ trong thời hạn từ 2 đến 3 năm.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các dự án B.O.T trong giai đoạn khai thác hoàn vốn sẽ được ghi nhận là một khoản chi phí trả trước và được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ doanh thu hàng năm của dự án.

#### **Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biểu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội Đồng Cổ đông hàng năm.

## **CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM**

Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu là lãi tiền gửi, tiền cho vay và cổ tức, lợi nhuận từ đầu tư chứng khoán và đầu tư vào công ty con, công ty liên kết. Lãi tiền gửi, tiền cho vay ghi nhận trên cơ sở dồn tích, lãi tiền gửi ngân hàng được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng theo thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng; lãi tiền cho vay được tính căn cứ vào số dư khoản cho vay và lãi suất phù hợp với, hợp đồng vay; cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi có thông báo chia cổ tức của đơn vị nhận đầu tư và công ty con.

### **Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM**

**Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:**

**5 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	8.590.613	110.975.240
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	274.898.325.249	150.512.856.919
Các khoản tương đương tiền	-	363.637.057
<b>Cộng</b>	<b>274.906.915.862</b>	<b>150.987.469.216</b>

**6 PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Phải thu từ việc bán phần vốn trong Công ty TNHH Sài Gòn RiverFront (tên cũ là Công ty TNHH MTV Trường Thuận Phát)	-	215.000.000.000
Phải thu Công ty CII B&R	160.937.503.177	-
Phải thu Shining Armor Limited (*)	1.648.953.000.000	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	221.326.031	277.276.031
<b>Cộng</b>	<b>1.810.111.829.208</b>	<b>215.277.276.031</b>

(\*) Ngày 03/01/2020 khách hàng đã thanh toán xong khoản tiền trên cho công ty

**b. Dài hạn**

Phải thu từ việc bán phần vốn trong Công ty TNHH Sài Gòn RiverFront (tên cũ là Công ty TNHH MTV Trường Thuận Phát)	-	215.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.810.111.829.208</b>	<b>430.277.276.031</b>

**7 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty Cổ phần Hoàng An	-	158.442.612.763
Công ty CII BR	462.850.380.000	-
Các đối tượng khác	1.494.488.544	2.270.540.604
<b>Cộng</b>	<b>464.344.868.544</b>	<b>160.713.153.367</b>



**CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM**  
 Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM

**8 PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Phải thu các bên liên quan (*)	771.816.231.320	923.001.812.694
Công ty CP thương mại nước giải khát Khánh An	190.104.723.313	171.234.193.320
Công ty CP Chứng Khoán Việt Thành	76.753.131.244	45.000.000.000
Công ty TNHH MTV XD Dân Dụng CII E&C	18.413.045.299	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	344.105.177.434	344.105.177.434
Công ty CP Đầu Tư và Thương Mại 592	58.100.000.000	-
	<b>1.459.292.308.610</b>	<b>1.483.341.183.448</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Phải thu các bên liên quan (**)	926.280.000.000	617.528.743.353
	<b>926.280.000.000</b>	<b>617.528.743.353</b>
<b>Cộng</b>	<b>2.385.572.308.610</b>	<b>2.100.869.926.801</b>

(\*) Chi tiết phải thu các bên liên quan:

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Công ty CII B&R	383.544.548.625	848.559.130.000
Công ty HNHC	93.883.078.710	21.584.078.710
Công ty Điện Biên Phủ	188.088.603.985	52.858.603.984
Công ty SII	55.800.000.000	-
Công ty NBB	36.000.000.000	-
Công ty Địa Ốc Lữ Gia	14.500.000.000	-
	<b>771.816.231.320</b>	<b>923.001.812.694</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Công ty NBB	-	102.028.743.353
Công ty CP BOT Trung Lương Mỹ Thuận	926.280.000.000	505.500.000.000
	<b>926.280.000.000</b>	<b>617.528.743.353</b>

**9 PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Cổ tức và lợi nhuận được chia	643.288.632.745	244.868.013.167
Lãi trái phiếu, tiền gửi và lãi cho vay	343.645.226.793	264.568.622.462
Các khoản tiền cầm cố	62.333.542.768	46.969.905.711
Nợ gốc trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng	-	41.412.681.580
Vốn góp theo hợp đồng BCC	21.151.822.600	21.151.822.600
Phải thu người lao động	10.027.000.000	262.100.000
Các khoản phải thu khác	11.386.971.649	55.268.911
	<b>1.091.833.196.555</b>	<b>619.288.414.431</b>

**CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM**

Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM

**b. Dài hạn**

Vốn góp vào dự án Diamond Riverside theo hợp đồng BCC

-

498.179.815.362

Ký cược, ký quỹ

8.445.116.190

108.382.116.190

8.445.116.190606.561.931.552

Cộng

1.100.278.312.7451.225.850.345.983*Chi tiết phải thu các bên liên quan*

Công ty CII B&amp;R

Lãi cho vay

77.818.586.872

134.741.878.434

Công ty HNHC

372.178.413.675

197.272.415.249

Lãi cho vay

11.742.677.304

295.935.549

Cổ tức, lợi nhuận được chia

360.435.736.371

196.976.479.700

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII

Cổ tức, lợi nhuận được chia

2.185.269.132

4.150.238.001

Công ty Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ

18.421.314.104

-

Lãi cho vay

9.621.238.335

-

Cổ tức, lợi nhuận được chia

3.500.000.000

-

Các khoản phải thu khác

5.300.075.769

-

Công ty NBB

41.310.077.014

56.118.636.296

Lãi cho vay

2.203.273.972

21.611.327.538

Lợi nhuận đảm bảo của dự án Diamond Riverside

39.106.803.042

34.507.308.758

Công ty Địa ốc Lữ Gia

236.284.512.500

-

Lãi cho vay

389.083.333

-

Cổ tức, lợi nhuận được chia

235.895.429.167

-

Công ty CP BOT Trung Lương Mỹ Thuận

Lãi cho vay

123.633.568.54126.814.620.253

Cộng

871.831.741.838419.097.788.233**10 CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG**

31/12/2019

01/01/2019

VND

VND

**a. Ngắn hạn**

Phải thu ngắn hạn khác

(2.165.395.033)

(50.048.909.947)

**b. Dài hạn**

Phải thu dài hạn khác

-

-

Cộng

(2.165.395.033)(50.048.909.947)

**CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM**  
**Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM**

<b>11</b>	<b>HÀNG TỒN KHO</b>				
			31/12/2019	01/01/2019	
			VND	VND	
	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		50.334.409.976	69.972.766.356	
<b>12</b>	<b>CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN</b>		31/12/2019	01/01/2019	
			VND	VND	
	<b>a. Ngắn hạn</b>				
	Chi phí sửa chữa		-	40.500.000	
			-	40.500.000	
	<b>b. Dài hạn</b>				
	Chi phí di dời, sửa chữa văn phòng		1.856.132.038	463.248.484	
	Công cụ dụng cụ xuất dùng		322.911.361	109.712.385	
	Chi phí phát hành trái phiếu		36.318.755.684		
	Chi phí trả trước khác		-	238.253.396	
			<b>38.497.799.083</b>	<b>811.214.265</b>	
	<b>Cộng</b>		<b>38.497.799.083</b>	<b>851.714.265</b>	
<b>13</b>	<b>TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH</b>				
		Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
	<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
	Tại ngày 01/01/2019	176.846.400	5.168.827.000	35.100.000	5.380.773.400
	Tại ngày 31/12/2019	176.846.400	5.168.827.000	35.100.000	5.380.773.400
	<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
	Tại ngày 01/01/2019	176.846.400	4.075.233.230	35.100.000	4.287.179.630
	Khấu hao trong năm	-	291.624.996	-	291.624.996
	Tại ngày 31/12/2019	176.846.400	4.366.858.266	35.100.000	4.578.804.626
	<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
	Tại ngày 01/01/2019	-	1.093.593.770	-	1.093.593.770
	Tại ngày 31/12/2019	-	801.968.774	-	801.968.774

**CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM**  
**Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM**

**14 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền thu phí giao thông
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2019	1.058.840.204.896
Tại ngày 31/12/2019	<u>1.058.840.204.896</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2019	1.058.840.204.896
Khấu hao trong năm	-
Tại ngày 31/12/2019	<u>1.058.840.204.896</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 01/01/2019	-
Tại ngày 31/12/2019	<u>-</u>

**15 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Dự án di dời hạ tầng trên xa lộ Hà Nội	2.786.296.504	2.786.296.504
Các dự án khác	28.013.322	47.204.811
<b>Cộng</b>	<u>2.814.309.826</u>	<u>2.833.501.315</u>

**16 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

<b>a. Đầu tư vào công ty con</b>	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty CII B&R	1.258.844.444.992	1.255.417.159.414
Công ty Bắc Thủ Thiêm	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
Công ty SII	485.383.662.063	485.383.662.063
Công ty Điện Biên Phủ	270.020.000.000	270.020.000.000
Công ty CII E&C	333.108.337.032	249.116.738.331
Công ty NBB	1.261.415.944.734	-
Công ty Sài Gòn Long Khánh	65.000.000	-
Công ty Địa ốc Lữ gia	751.300.000.000	150.000.000.000
Công ty Bình Triệu	69.382.887.750	69.382.887.750
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty VPPI	5.046.890.596	5.046.890.596
<b>Cộng</b>	<u>5.944.567.167.167</u>	<u>3.994.367.338.154</u>

**CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM**  
**Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM**

**b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty NBB	-	810.642.074.160
Công ty HNHC	519.380.000.000	519.380.000.000
Công ty CP Hòa Phú	-	33.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>519.380.000.000</b>	<b>1.363.022.074.160</b>

**c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	3.187.515.563	3.187.515.563
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng	-	29.500.000.000
Công ty BOT Cầu Phú Mỹ	29.700.000.000	29.700.000.000
Công ty CP Du lịch Mê Kông - Mỹ Tho	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Bất động sản Thủ Thiêm	315.411.472.075	-
Công ty TNHH Thanh Sơn Số Bốn Việt Nam	1.100.000	-
Công ty CP Sài Gòn RiverFont	187.793.610.000	-
<b>Cộng</b>	<b>541.093.697.638</b>	<b>67.387.515.563</b>

**d. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư và Phát triển xây dựng	-	(29.500.000.000)

**17 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty SII	101.300.373.374	141.300.373.374
Công ty CP Dịch Vụ Nhịp Cầu Địa Ốc	3.000.000.000	-
Shining Armor Limited (*)	1.349.943.806.715	-
Nhà cung cấp khác	1.163.102.154	1.082.102.154
<b>Cộng</b>	<b>1.455.407.282.243</b>	<b>142.382.475.528</b>

(\*) Ngày 02/01/2020 Công ty đã thanh toán xong khoản tiền này cho đối tác

**CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM**  
 Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM

**18 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	01/01/2019 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	31/12/2019 VND
<b>a. Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	2.153.768.524	2.153.768.524	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	827.656.021	827.656.021	-	-
<b>Cộng</b>	<b>827.656.021</b>	<b>2.981.424.545</b>	<b>2.153.768.524</b>	<b>-</b>
<b>b. Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	64.410.811	487.587.101	526.130.126	25.867.786
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	78.967.204.387	-	78.967.204.387
Thuế thu nhập cá nhân	486.650.314	4.541.714.765	2.976.261.781	2.052.103.298
Thuế nhà thầu	657.820.843	43.935.645.160	35.544.084.426	9.049.381.577
Các khoản khác	6.772.772	10.700.000	10.700.000	6.772.772
<b>Cộng</b>	<b>1.215.654.740</b>	<b>127.942.851.413</b>	<b>39.057.176.333</b>	<b>90.101.329.820</b>

**19 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Bảo hiểm y tế	38.018.880	74.933.870
Phải trả chi phí sử dụng vốn các công ty trong tập đoàn	6.718.174.481	8.730.816.242
Phải trả khoản mua lại trái phiếu	144.919.204.727	-
Phải trả lãi trái phiếu	181.683.844.632	72.868.601.609
Phải trả lãi vay ngân hàng và các cá nhân khác	2.884.821.310	3.366.347.219
Phải trả chi phí duy tu trạm thu phí	26.869.293.140	28.752.293.140
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.249.386.160	3.250.960.407
Phải trả lãi chậm thanh toán	34.012.722.133	24.264.744.321
Các khoản phải trả khác	13.231.100.001	16.281.100.000
<b>Cộng</b>	<b>413.606.565.464</b>	<b>157.589.796.808</b>

*Trong đó, phải trả cho các bên liên quan*

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty CII BR	1.803.838.906	2.045.196.857
Công ty Bình Triệu	-	215.369.944
Công ty CII E&C	3.620.823.764	3.564.424.372
Công ty Bắc Thủ Thiêm	298.920.301	-
Công ty VPII	761.331.236	423.270.529
Công ty Địa Ốc Lữ Gia	-	1.975.801.116
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	233.260.274	255.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CIIE&C	-	251.753.424
Công ty SII	34.012.722.133	24.264.744.321
Công ty Điện Biên Phủ	10.404.000.001	13.454.000.000
Công ty CP Xây Dựng Cầu Sài Gòn	2.777.100.000	2.777.100.000
<b>Cộng</b>	<b>53.911.996.615</b>	<b>49.226.660.563</b>

**CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM**

Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM

**20 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH****a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2019	Phát sinh trong kỳ		01/01/2019
	Nợ gốc VND	Tăng	Giảm	Nợ gốc VND
1 Vay các bên liên quan (*)	1.526.900.855.422	2.437.660.853.925	2.499.282.436.616	1.588.522.438.113
2 Ngân hàng HD Bank	60.000.000.000	60.000.000.000	300.000.000.000	300.000.000.000
3 Ngân hàng VP Bank - CN Tp. HCM	349.760.000.000	398.720.000.000	248.960.000.000	200.000.000.000
4 Ngân hàng TP Bank- CN Tp. HCM	-	-	101.189.396.413	101.189.396.413
5 Vay các công ty và cá nhân khác	638.592.473.570	480.771.183.500	114.264.435.600	272.085.725.670
6 Vay các Công ty Chứng Khoán	331.636.796.887	751.610.530.153	419.973.733.266	-
7 Các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh)	-	-	-	97.633.127.761
8 Trái phiếu đến hạn (xem Thuyết minh)	1.052.485.000.000	-	-	1.711.851.000.000
9 Chi phí phát hành trái phiếu đến hạn (xem Thuyết minh)	(22.273.747.392)	-	-	(6.301.698.956)
<b>Cộng</b>	<b>3.937.101.378.487</b>	<b>4.128.762.567.578</b>	<b>3.683.670.001.895</b>	<b>4.264.979.989.001</b>

**CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM**

Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM

(\*) Chi tiết vay các bên liên quan

	31/12/2019	Phát sinh trong kỳ		01/01/2019
	Nợ gốc VND	Tăng	Giảm	Nợ gốc VND
Công ty Bình Triệu	28.424.617.822	3.400.000.000	12.733.587.978	37.758.205.800
Công ty CII B&R	105.646.443.331	146.400.000.000	87.274.227.094	46.520.670.425
Công ty TNHH MTV Trường Thuận Phát	-	-	299.980.000.000	299.980.000.000
Công ty CII E&C	284.848.840.774	615.267.994.306	580.205.338.717	249.786.185.185
Công ty Bắc Thù Thiêm	1.076.113.081.820	1.377.216.119.619	1.061.188.756.160	760.085.718.361
Công ty Địa Ốc Lữ Gia	-	158.176.740.000	323.400.526.667	165.223.786.667
Công ty VPPI	4.167.871.675	-	-	4.167.871.675
Công ty TNHH MTV XD Dân dụng CII E&C	-	1.000.000.000	26.000.000.000	25.000.000.000
Công ty TNHH MTV Vật Liệu XD CII E&C	-	40.000.000.000	40.000.000.000	-
Công ty Cổ Phần City Garden	5.700.000.000	50.000.000.000	44.300.000.000	-
Cty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	22.000.000.000	46.200.000.000	24.200.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.526.900.855.422</b>	<b>2.437.660.853.925</b>	<b>2.499.282.436.616</b>	<b>1.588.522.438.113</b>

**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2019	Phát sinh trong kỳ		01/01/2019
	Nợ gốc VND	Tăng	Giảm	Nợ gốc VND
<b>Các khoản vay dài hạn</b>				
Ngân hàng TMCP Bản Việt - CN Sài Gòn	-	-	41.671.665.000	41.671.665.000
Ngân hàng TMCP Việt Á	-	-	55.961.462.761	55.961.462.761
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	-	-	-	(97.633.127.761)
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>97.633.127.761</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM**

Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM

	31/12/2019	Phát sinh trong kỳ		01/01/2019
	Nợ gốc VND	Tăng	Tăng	Nợ gốc VND
<b>c. Trái phiếu phát hành</b>				
Trái phiếu CII072022	198.833.333.334	198.833.333.334	-	-
Trái phiếu CIIBOND2019-04	797.691.435.685	797.691.435.685	-	-
Trái phiếu CII122020	298.400.000.000	1.600.000.000	-	296.800.000.000
Trái phiếu CII_BOND2018_01	200.000.000.000	-	-	200.000.000.000
Trái phiếu BOND2018_02	14.159.462.657		85.840.537.343	100.000.000.000
Trái phiếu CII_BOND2019_01	370.000.000.000	370.000.000.000	-	-
Trái phiếu CII_BOND2019_02	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
Trái phiếu CII012029	1.111.441.720.541	1.114.662.717.771	-	(3.220.997.230)
Trái phiếu CII122019	-	-	100.000.000.000	100.000.000.000
Trái phiếu CII052022	258.897.711.679	258.897.711.679	-	-
Trái phiếu CII 41401	8.085.000.000	8.175.000.000	90.000.000	-
Trái phiếu CII 102021	198.491.803.279	198.491.803.279	-	-
Trái phiếu hoán đổi phát hành cho VIAC năm 2015	-	-	462.851.000.000	462.851.000.000
Trái phiếu phát hành cho Vietinbank năm 2014	-	-	69.000.000.000	69.000.000.000
Trái phiếu CII 11709	-	-	198.636.363.636	198.636.363.637
Trái phiếu CII 11713	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000
Trái phiếu CII072019	-	-	575.061.937.407	575.061.937.407
Trừ: Mệnh giá phải trả trong 12 tháng tới	(1.052.485.000.000)	-	-	(1.711.851.000.000)
Cộng: Chi phí phát hành trái phiếu kết chuyển vào chi phí trong 12 tháng tới	22.273.747.392	-	-	6.301.698.956
<b>Cộng</b>	<b>2.455.789.214.567</b>	<b>2.980.833.832.028</b>	<b>1.791.479.838.386</b>	<b>593.579.002.770</b>
<b>Cộng vay và trái phiếu</b>	<b>2.455.789.214.567</b>	<b>2.980.833.832.028</b>	<b>1.889.112.966.147</b>	<b>593.579.002.770</b>

**CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM**  
**Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM**

**LỊCH TRẢ NỢ VAY VÀ THUÊ TÀI CHÍNH**

*Các trái phiếu thường được hoàn trả theo lịch biểu sau*

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Trong vòng một năm	1.052.485.000.000	1.711.851.000.000
Trong năm thứ hai	500.000.000.000	600.000.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	831.000.000.000	-
Từ năm thứ năm trở về sau	1.150.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>3.533.485.000.000</b>	<b>2.311.851.000.000</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(1.052.485.000.000)	(1.711.851.000.000)
Trừ: Các khoản ghi nhận vào chi phí tài chính trong tương lai	(25.210.785.433)	(6.420.997.230)
<b>Cộng</b>	<b>2.455.789.214.567</b>	<b>593.579.002.770</b>

**20 TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Trái phiếu chuyển đổi phát hành năm 2016 cho RAM	1.393.761.830.280	1.351.079.567.945
Trái phiếu chuyển đổi phát hành năm 2014-CII41401	-	10.384.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.393.761.830.280</b>	<b>1.361.463.567.945</b>

**LỊCH THANH TOÁN TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Trong vòng một năm	1.397.248.432.055	10.384.000.000
Trong năm thứ hai	-	452.349.333.333
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	904.698.666.667
<b>Cộng</b>	<b>1.391.280.000.000</b>	<b>1.367.432.000.000</b>
Trừ: Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu ghi nhận vào vốn chủ sở hữu	(3.486.601.755)	(5.968.432.055)
<b>Cộng</b>	<b>1.393.761.830.280</b>	<b>1.361.463.567.945</b>

**CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM**

Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2018	2.798.064.150.000	385.185.572.877	5.968.432.055	(804.209.093.000)	193.013.957.959	335.890.252.780	2.913.913.272.671
Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu	2.368.580.000	237.420.000	-	-	-	-	2.606.000.000
Mua cổ phiếu trong kỳ	-	-	-	(47.788.780.500)	-	-	(47.788.780.500)
Phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP	30.000.000.000	-	-	-	-	-	30.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	37.073.809.587	37.073.809.587
Tại ngày 31/12/2018	2.830.432.730.000	385.422.992.877	5.968.432.055	(851.997.873.500)	193.013.957.959	372.964.062.367	2.935.804.301.758
Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu	1.248.790.000	2.607.040.280	(2.481.830.280)	-	-	-	1.374.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	535.375.207.045	535.375.207.045
Tại ngày 31/12/2019	2.831.681.520.000	388.030.033.157	3.486.601.775	(851.997.873.500)	193.013.957.959	908.339.269.412	3.472.553.508.803

**CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM**  
**Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM**

<b>CHI TIẾT CỔ PHẦN</b>	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
	<b>Cổ phần</b>	<b>Cổ phần</b>
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	283.168.152	283.043.273
Số lượng cổ phần đã phát hành ra công chúng	283.168.152	283.043.273
+ Cổ phần phổ thông	283.168.152	283.043.273
Số lượng cổ phần đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	(35.329.870)	(35.329.870)
+ Cổ phần phổ thông	(35.329.870)	(33.561.510)
Số lượng cổ phần đang lưu hành	247.838.282	247.713.403
+ Cổ phần phổ thông	247.838.282	247.713.403
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần		

**CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM**

Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM

## 22 DOANH THU TÀI CHÍNH

	Quý 04		Lũy kế từ ngày 01/01 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận được chia	28.090.864.900	90.244.721.791	529.961.656.671	279.892.735.484
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	66.096.800.423	54.074.671.585	158.596.863.476	199.560.973.606
Lợi nhuận từ chuyển nhượng vốn	586.535.444.287	-	936.717.015.219	-
Lợi nhuận từ đầu tư vốn	12.017.712.773	-	12.554.933.230	-
Lãi đầu tư trái phiếu	-	1.950.000.000	-	15.600.000.000
Lợi nhuận đảm bảo từ các dự án hợp tác đầu tư	-	3.465.812.736	(2.938.852.304)	13.544.555.520
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-	-	385.081.830
Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	-	-	-	110.600.000
<b>Cộng</b>	<b>692.740.822.383</b>	<b>149.735.206.112</b>	<b>1.634.891.616.292</b>	<b>509.093.946.440</b>

*Trong đó, doanh thu phát sinh từ các bên liên quan*

Công ty NBB	2.203.273.972	6.489.376.133	6.167.557.080	23.391.355.574
Công ty CII E&C	567.063.333	-	1.284.279.517	8.224.754.963
Công ty CII B&R	4.165.719.958	16.677.204.457	41.031.434.524	66.183.574.429
Công ty Bắc Thủ Thiêm	-	75.000.000.000	118.500.000.000	188.000.000.000
Công ty HNHC	32.270.710.220	15.543.437.340	174.905.998.426	98.920.162.901
Công ty Điện Biên Phủ	3.882.936.708	4.528.359.794	13.121.238.335	17.879.412.693
Công ty SII	2.111.095.890	-	3.110.356.164	-
Công ty Bình Triệu	-	-	3.000.000.000	-
Công ty Địa ốc Lữ gia	389.083.333	-	237.444.062.500	6.287.332.972
Công ty CP BOT Trung Lương Mỹ Thuận	27.303.575.227	12.705.433.626	96.818.948.288	26.814.620.253
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Hạ Tầng CII	-	-	4.502.400.000	10.00.000.000
Công ty CP Xây dựng cầu Sài Gòn	-	1.717.746.097	-	1.717.746.097
Phùng Văn Hiền	-	-	-	392.764.025
<b>Cộng</b>	<b>72.893.458.641</b>	<b>132.661.557.447</b>	<b>699.886.274.834</b>	<b>447.811.723.907</b>

**CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM**

Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM

**23 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Quý 04		Lũy kế từ ngày 01/01 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	161.216.397.198	115.077.797.393	565.357.857.896	408.744.264.712
Chi phí phát sinh liên quan đến mua lại trái phiếu	105.428.639.146	-	203.048.994.390	
Lỗ và chi phí thanh lý các khoản đầu tư tài chính	130.016.056.415	-	144.718.093.890	3.715.597.569
Chi phí bảo lãnh, phát hành trái phiếu	11.725.249.244	4.255.197.855	34.678.891.409	9.989.105.277
Chi phí cấp tín dụng	1.063.413.005	1.626.031.719	2.054.820.536	2.064.805.556
Lãi chậm thanh toán	3.241.004.728	3.241.004.728	12.858.333.976	12.858.333.976
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	-	-	(5.334.615.259)	
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại trái phiếu đến hạn	39.192.879.962	-	39.192.879.962	
Chi phí tài chính khác	534.629.401	91.144.829	1.277.192.045	3.260.828.845
<b>Cộng</b>	<b>452.418.269.099</b>	<b>124.291.176.524</b>	<b>997.852.448.845</b>	<b>440.632.935.935</b>
<i>Trong đó, chi phí phát sinh từ các bên liên quan</i>				
Công ty CII B&R	1.803.838.906	2.996.728.583	6.347.988.258	17.291.496.395
Công ty CII E&C	5.383.137.535	9.378.641.210	23.744.001.971	25.231.924.729
Công ty SII	3.448.128.016	3.241.004.728	13.065.457.264	12.858.333.976
Công ty Cầu đường Bình Triệu	786.868.723	1.345.584.622	3.268.410.947	4.305.075.843
Công ty Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	-	1.426.938.324	-	6.026.140.824
Công ty Bắc Thủ Thiêm	29.827.171.554	19.600.221.884	99.858.308.793	64.667.689.812
Công ty VPII	85.209.822	85.209.822	338.060.707	338.060.707
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Hạ Tầng CII	-	329.155.556	-	1.305.888.890
Công ty Rạch Miễu	235.469.178	-	506.219.178	255.000.000
Công ty Địa Ốc Lữ Gia	-	4.616.113.616	5.733.827.225	10.488.967.783
Công ty XD XD CII E&C	-	-	-	-
Công ty VLXD CII E&C	-	-	970.410.959	-
<b>Cộng</b>	<b>41.569.823.734</b>	<b>43.019.598.345</b>	<b>153.832.685.302</b>	<b>142.768.578.959</b>

**CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM**

Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM

**24 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Quý 04		Lũy kế từ ngày 01/01 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	23.451.193.877	4.442.976.131	35.114.324.346	17.788.779.104
Chi phí đồ dùng văn phòng	37.018.905	23.128.887	103.928.298	77.815.853
Chi phí khấu hao	72.906.249	86.273.619	291.624.996	291.625.000
Thuế, phí và lệ phí	1.006.034.079	260.785.282	1.714.943.373	908.986.610
Hoàn nhập dự phòng đầu tư cổ phiếu và trái phiếu	-	-	(20.706.340.790)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.641.444.060	(7.326.260.567)	6.636.078.171	5.362.848.062
Chi phí bằng tiền khác	178.843.416	163.432.883	594.830.597	534.564.256
<b>Cộng</b>	<b>26.387.440.586</b>	<b>(2.349.663.765)</b>	<b>23.749.388.991</b>	<b>24.964.618.885</b>

**CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM**  
Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM

**25 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Lý kế từ 01/01/2019 đến 31/12/2019 VND	Lý kế từ 01/01/2018 đến 31/12/2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	615.170.067.453	38.374.575.961
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(216.195.765.415)	38.654.235.606
Các khoản chi phí không được trừ	313.765.891.256	332.091.526.610
Các khoản thu nhập không chịu thuế	(529.961.656.671)	(293.437.291.004)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>398.974.302.038</b>	<b>77.028.811.567</b>
Lỗi tính thuế năm trước mang sang	-	(75.208.142.362)
<b>Thu nhập/tính thuế</b>	<b>398.974.302.038</b>	<b>1.820.669.205</b>
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	79.794.860.408	364.133.841
Thuế TNDN được miễn, giảm	-	936.632.533
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>79.794.860.408</b>	<b>1.300.766.374</b>



**VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

Thu nhập của Ban điều hành được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018 VND
Lương	4.883.680.000	5.103.481.540
Thưởng và các khoản thu nhập khác	2.650.379.995	3.890.711.270
<b>Cộng</b>	<b>7.534.059.995</b>	<b>8.994.192.810</b>

Người lập biểu

**Nguyễn Thị Tuyết Nhung**

Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Mai Hương**

TP.HCM, ngày 22 tháng 01 năm 2020



Tổng Giám đốc

**LÊ QUỐC BÌNH**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM**  
Tầng 20, Tòa nhà SunWah, số 115 Nguyễn Huệ,  
Quận 1, Tp.HCM  
ĐT: 36221025 Fax: 36367100

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**Số: 46/2020/CV-CII**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 01 năm 2020

V/v: giải trình chênh lệch kết quả hoạt động  
kinh doanh Công ty Mẹ quý 4/2019

**Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh (CII) thông báo kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh quý 04 năm 2019 của Công ty Mẹ như sau:

Lợi nhuận sau thuế quý 04 năm 2019 lãi 159,7 tỷ đồng, tăng cao so với lợi nhuận đạt được quý 04 năm 2018 (23,7 tỷ đồng) là do: trong kỳ công ty đã chuyển nhượng phần vốn góp đầu tư thu về khoản lợi nhuận đáng kể cho công ty và cổ tức lợi nhuận được chia trong kỳ tăng so với cùng kỳ năm ngoái.

Chi tiết về báo cáo tài chính quý 04 năm 2019 của Công ty CII, vui lòng xem tại website: [www.cii.com.vn](http://www.cii.com.vn).

Trân trọng.



**LÊ QUỐC BÌNH**

Nơi gửi:

- Như trên
- Lưu: VP. P.TC-KT